

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Phòng bệnh quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực phòng bệnh quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và Thông tư số 19/2025/TT-BYT ngày 15/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2136/TTr-SYT ngày 29/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Phòng bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm tổ chức xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC. *phó*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Hoàng Nam

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số 491 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Dăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013866.H50	- Trường hợp 1: 30 ngày - Trường hợp 2: + 60 ngày + Riêng đối với hồ sơ chế phẩm có chứa hoạt chất hoặc có dạng sản phẩm hoặc có phạm vi sử dụng hoặc tác dụng lần đầu đăng ký tại Việt Nam: 120 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trường hợp 1: Phí thẩm định đăng ký lưu hành mới: 11.000.000 đồng/hồ sơ. - Trường hợp 2: + Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm (nộp lần đầu cùng với hồ sơ đăng ký lưu hành mới): 3.500.000 đồng/hồ sơ. + Phí thẩm định đăng ký lưu hành mới: 11.000.000 đồng/hồ sơ.	1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ 5. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
2	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013874.H50	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	4.000.000 đồng/hồ sơ.	1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ 5. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày

					30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
3	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013887.H50	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.500.000 đồng/hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ 5. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
4	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013891.H50	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	5.000.000 đồng/hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ 5. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
5	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 3.500.000 đồng/hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ

	trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013895.H50			- Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung: 2.500.000 đồng/hồ sơ.	3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ 5. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
6	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013867.H50	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.500.000 đồng/hồ sơ.	1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ 5. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
7	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất 1.013868.H50	- 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ đối với đăng ký lưu hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng. - Các trường hợp còn lại: 60 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 3.500.000 đồng/hồ sơ. - Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung: 2.500.000 đồng/hồ sơ.	1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ 5. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ

					6. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
8	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013870.H50	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.500.000 đồng/lần	1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 5. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
9	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013872.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 5. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
10	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu 1.013875.H50	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.000.000 đồng/hồ sơ.	1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 5. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính

11	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ 1.013880.H50	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.000.000 đồng/hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/ND-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/ND-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 129/2024/ND-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 5. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
12	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quả biếu, cho, tặng 1.013881.H50	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.000.000 đồng/hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/ND-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/ND-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 129/2024/ND-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 5. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
13	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu 1.013883.H50	15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.000.000 đồng/hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 2. Nghị định số 42/2025/ND-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 3. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 4. Nghị định số 129/2024/ND-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ 5. Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
14	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với	03 ngày	Trung tâm Phục vụ	2.000.000 đồng/hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị định số 69/2018/ND-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

	chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu 1.013886.H50		hành chính công		2. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 3. Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 4. Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
15	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu 1.013889.H50	03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	2.000.000 đồng/hồ sơ.	1. Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ 2. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ 3. Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ 4. Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính
16	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế 1.013892.H50	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp đình chỉ lưu hành chế phẩm tạm thời. - Trường hợp thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm: 15 ngày, kể từ ngày xác định các trường hợp theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	1. Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. 2. Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
17	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 2. Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 3. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng

	(bên thứ ba) đối với thuốc lá 1.013896.H50				<p>hóa số Luật số 05/2007/QH12</p> <p>4. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ</p> <p>5. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ</p> <p>6. Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ</p> <p>7. Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế</p> <p>8. Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế</p> <p>9. Thông tư số 19/2025/TT-BYT ngày 15/6/2025 của Bộ Y tế</p>
18	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) 1.013898.H50	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<p>1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13</p> <p>2. Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11</p> <p>3. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số Luật số 05/2007/QH12</p> <p>4. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ</p> <p>5. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ</p> <p>6. Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ</p> <p>7. Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế</p> <p>8. Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế</p> <p>9. Thông tư số 19/2025/TT-BYT ngày 15/6/2025 của Bộ Y tế</p>

19	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá 1.013894.H150	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 2. Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 3. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số Luật số 05/2007/QH12 4. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ 5. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ 6. Nghị định số 132/2008/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ 7. Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế 8. Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế 9. Thông tư số 19/2025/TT-BYT ngày 15/6/2025 của Bộ Y tế
----	--	------------------	--	-------	---